

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2022
V/v: Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thúy Hằng

2. Bà Phan Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Cẩm H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2022 và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Đào Thị Cẩm H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG, huyện GD vào năm 2017, do không được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh chị không được tổ chức lễ cưới, lễ phạt và cũng không sống chung nhà với nhau (chị và

anh T đều sống tại nhà cha mẹ ruột của mình). Chị nhận thấy anh Thanh không thật lòng yêu thương chị, có mối quan hệ không rõ ràng với người vợ cũ, từ sau khi chị sinh con anh T không phụ giúp chị về tiền bạc để nuôi con. Chị nhận thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2017 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu P sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị H nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chị H, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh T chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Cẩm H. Về hôn nhân: Chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG, huyện GD vào năm 2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị H có yêu cầu ly hôn với anh T Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của H: Theo chị H, nguyên nhân ly hôn do chị nhận thấy anh T không thật sự yêu thương chị nên không quan tâm chăm sóc cho chị và con, có mối quan hệ không rõ ràng với người vợ cũ. Đối với anh T, trong quá trình giải quyết vụ án nhiều lần triệu tập đến Tòa án để tổ chức hòa giải mâu thuẫn T không có thiện chí đoàn tụ, chị Hương vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy, giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân và mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2017, chị H yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị H: Do chị H và anh T không sống chung nhà nên từ khi cháu P được sinh ra đều do chị H trực tiếp chăm sóc, có cuộc sống ổn định nên yêu cầu nuôi con của chị H là có căn cứ chấp nhận, do đó cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Cẩm H đối với anh Nguyễn Văn T. Chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao chị H có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2017. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0024199 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị Hương đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã CG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên